

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TẤM GUƠng GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN TIẾNG VIỆT

Phan Hồng Liên

Bộ môn Ngôn ngữ VHVN

Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội

Khi nhắc đến những di sản tinh thần, tư tưởng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại, chúng ta không thể không nhắc tới những di sản quý báu về ngôn ngữ. Có thể nói, Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương sáng chói về lòng yêu mến, quý trọng tiếng Việt, tin tưởng vào khả năng to lớn của tiếng Việt. Phải đặt vào hoàn cảnh lịch sử những năm đầu của thế kỉ XX chúng ta mới thấy hết ý nghĩa và vai trò của Người đối với những di sản này.

Trong xã hội cũ nước ta trước đây, những người theo Nho học thường mắc bệnh "hay nói chữ" và dùng những khuôn sáo của lối văn cử nghiệp. Những người theo "Tây học" thì thường có lối nói "đá tiếng Tây", lối suy nghĩ và diễn đạt "theo kiểu Tây". Nhiều người trong hai lớp người trên thường cho rằng tiếng Việt quá nghèo nàn, khó mà có thể diễn đạt được những tư tưởng cao siêu.

Thuở nhỏ, Hồ Chủ tịch học chữ Nho trong nhiều năm. Từ năm 21 tuổi, Người bốn ba từ Á sang Âu, từ Phi sang Mỹ, sống xa Tổ quốc ba chục năm ròng. Trong thời gian đó, Người phải dùng nhiều thứ tiếng nước ngoài để hoạt động cách mạng: Tiếng Pháp, tiếng Hán, tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Đức, tiếng Ý, tiếng Xiêm và một số tiếng khác. Trong mấy chục năm đầu thế kỉ XX, tiếng Việt còn chưa đủ thuật ngữ chính trị - xã hội để diễn đạt những tư tưởng và khái niệm mới. Bình thường, một người ở nước ngoài lâu như thế, biết thạo tiếng nước ngoài như thế và ở vào thời kì tiếng mẹ đẻ còn như thế thì dễ nghi ngờ khả năng của tiếng nói dân tộc mình, dễ nói và viết theo giọng văn nước ngoài. Thế nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã không như vậy.

Không chờ đến khi tiếng Việt đủ thuật ngữ, ngay từ những năm hoạt động cách mạng đầu tiên, Người đã dùng tiếng Việt một cách nhuần nhuyễn để giảng giải những nguyên lý cao sâu của chủ nghĩa Mác-Lênin, để viết báo, viết sách cách mạng. Cuốn "Đường cách mệnh" là một trong những bằng chứng. Chúng ta hãy xem một đoạn trong tác phẩm ấy :

"Vì bị áp bức mà sinh ra cách mạng, cho nên ai mà bị áp bức càng nặng nề, thì lòng cách mạng càng bền, chí cách mạng càng quyết. Khi trước, tư bản bị phong kiến áp bức cho nên có cách mạng. Bây giờ, tư bản lại đi áp bức công nông, cho nên công nông là người chủ cách mạng.

Một là vì công nông bị áp bức nặng hơn; hai là vì công nông là tay không chân rồi, nếu thua thì chỉ mất cái kiếp khổ, nếu được thì được cả thế giới, cho nên họ gan góc. Vì những cơ ấy, nên công nông là gốc cách mạng; còn học trò, nhà buôn, tiểu chủ cũng bị tư bản áp bức, song không cực khổ bằng công nông. Ba hạng trên chỉ là bầu bạn cho cách mạng của công nông thôi".

Điều nói trên không chỉ biểu hiện rằng Người hiểu biết sâu sắc, vận dụng tài tình tiếng Việt, mà trước hết biểu hiện rằng Người có lòng yêu nước nồng nàn, lòng tự hào dân tộc chân chính, thái độ quý trọng tiếng Việt và tin tưởng ở khả năng to lớn của tiếng Việt.

Ta càng hiểu rõ hơn điều này khi đặt sự việc vào hoàn cảnh những năm 20 của thế kỷ XX; và càng rõ thêm khi đối chiếu với thái độ của một số người sau cách mạng Tháng Tám cho rằng : "Dùng tiếng Việt dạy ở đại học thì không đi sâu vào khoa học được". "Họ đòi phải có ngay từ điển tiếng Việt, họ chờ có bộ ngữ pháp tiếng Việt hoàn hảo, chờ biên soạn đủ thuật ngữ, chờ sách giáo khoa rồi mới chịu dạy bằng tiếng Việt". (Nguyễn Văn Huyền. "Tiếng Việt : một vũ khí sắc bén để xây dựng nền giáo dục dân tộc, dân chủ và xã hội chủ nghĩa". Tiếng Việt và dạy đại học bằng tiếng Việt. NXB Khoa học xã hội. HN.1967).

Về sau, có lần Người đã nói : "Tiếng nói là thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc. Chúng ta phải giữ gìn nó, quý trọng nó, làm cho nó phổ biến ngày càng rộng khắp".

Không những chỉ yêu tiếng Việt, Người còn phấn đấu suốt đời cho độc lập tự do của Tổ quốc và khôi phục địa vị xứng đáng của tiếng Việt, phát triển không hạn chế các chức năng xã hội của tiếng Việt và làm giàu thêm tiếng Việt. Người còn dạy cán bộ một cách ân cần, tỉ mỉ, kiên trì về cách nói, cách dùng tiếng Việt cho trong sáng.

Yêu tiếng Việt, Người vẫn cho rằng "tiếng ta còn thiếu, cần được bổ sung thêm". Bản thân Người đã có nhiều cống hiến cho sự phát triển của tiếng Việt.

Như đã biết, một cá nhân trong xã hội không tạo ra được ngôn ngữ. Nhưng có người, thông qua việc sử dụng ngôn ngữ, nhất là thông qua những sự sáng tạo của mình về từ ngữ, về cách diễn đạt, v.v.. có thể đóng góp cho sự phát triển của ngôn ngữ, thậm chí có thể có ảnh hưởng lớn đến chiều hướng phát triển của ngôn ngữ. Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là một người như thế.

Có thể nói rằng tiếng Việt đã cung cấp những phương tiện phong phú để người diễn đạt tư tưởng, tình cảm; còn Người thì đã có công lớn là góp phần làm cho tiếng Việt thêm phong phú. Với chất liệu vốn có của tiếng ta, Người đã sáng tạo ra một số từ ngữ mới, một số ca dao, tục ngữ mới mà hiện nay chúng ta đã quen dùng như chúng đã từng tồn tại trong ngôn ngữ: giặc đói; giặc dốt; óc bè phái; óc hẹp hòi; thói ba hoa; vùng trời; vùng biển; đánh thọc sâu; chữ thập đỏ; nghị quyết túi áo, thông cáo túi quần; thấy xôi nói xôi ngọt, thấy thịt nói thịt bùi; tự mãn tức là co mình lại; người đi trước rước người đi sau, người đi sau theo mau người đi trước; quan san muôn dặm một nhà, bốn phương vô sản đều là anh em; ruộng rẫy là chiến trường, cuốc cày là vũ khí; không có việc gì khó, chỉ sợ lòng không bền... v.v..

Người đã truyền cho nhiều từ ngữ những nội dung mới hoặc những sắc thái ý nghĩa mới. Dưới ngòi bút của Người, những từ : trung, hiếu, cần, kiệm, liêm, chính, nhân, nghĩa v.v... đã có ý nghĩa khác xưa.

Suốt cuộc đời, Hồ Chủ tịch đã đấu tranh cho sự phát triển lành mạnh, thống nhất cao độ của tiếng Việt. Người khuyên mọi người dùng từ cho đúng, chú ý dùng những từ mà tiếng ta sẵn có, chớ lạm dụng "chữ Hán, câu Tây". Bên cạnh đó, Người lại không bài trừ những cách ghép từ, đặt câu kiểu mới. Người viết : "Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa

của ta trong những bể máu"; "Nhưng sẽ "tả" quá nếu những chữ Hán đã hoá thành tiếng ta ai cũng hiểu, mà cố ý không dùng". ..

Tiếng Việt mà Người dùng để nói, để viết là tiếng Việt văn học thống nhất của cả nước. Từ nào chỉ dùng hạn chế ở một vùng địa phương thì Người không dùng, và nếu có dùng thì đó là vì Người có dụng ý, hoặc vì đó là tổ hợp từ có tính chất cố định.

Dân chủ hoá ngôn ngữ cũng là một chủ trương mà Người theo đuổi suốt đời. Để làm cho lời nói và câu văn không quá khác xa nhau, Người chủ trương : "phải học cách nói của quần chúng". Trong thơ văn của Người, ta gặp những lối nói chân chất của dân gian :

"Thấy Tây cứ chém phứa

Thấy Nhật cứ chặt nhào"

hoặc : "Xem nhiều sách để mà loè, để làm ra ta đây, thế không phải là biết lí luận"...

Có thể nói, những phương hướng mà Hồ Chủ Tịch chỉ ra rất phù hợp với qui luật phát triển bên trong của tiếng Việt và đã được thể hiện trong thực tế phát triển của tiếng Việt ngày nay.

Một điều cần chú ý khi tìm hiểu di sản của Hồ Chủ Tịch về ngôn ngữ là cách nói, cách viết đặc biệt của Người. Buy phong (Buffon) đã từng nói : "Phong cách tức là con người". Điều đó đúng. Muốn tìm hiểu cách nói, cách viết của Hồ Chủ Tịch, không thể tách rời nó với lí tưởng, đạo đức, tác phong, lối sống của Người. Mặt khác, muốn tìm hiểu cách nói cách viết của Người thì không thể tách rời hình thức ra khỏi nội dung.

Về mặt nội dung, lời nói, bài viết của Người bao giờ cũng sôi nổi, có tính chiến đấu cao, sâu sắc, chính xác về logic, đồng thời luôn luôn toát ra thái độ ung dung, thư thái, giàu tinh thần lạc quan và nhân đạo cộng sản chủ nghĩa. Nhiều khi bài viết được điểm thêm bằng những ý có chất thơ, dí dỏm bất ngờ, hoặc châm biếm tao nhã.

Về mặt hình thức, Người thường dùng câu đơn và những từ ngữ dễ hiểu. Lời nói, bài viết của Người bao giờ cũng mộc mạc như "hạt lúa, củ khoai", giản dị như lời nói ngày thường của mọi người lao động. Từng câu và cả bài ngắn gọn, không có một câu thừa, chữ thừa; tiết kiệm

lời mà dồi dào ý tứ; giàu hình ảnh; nhiều thành ngữ, tục ngữ, có khi lại chêm một câu lấy Kiều hay một vài câu thơ nhíp nhàng, cân đối. Đặc biệt, Người không chịu gò bó ý và lời trong những khuôn mẫu sẵn có. Như vậy, ngôn ngữ của Người vừa kế thừa, vừa nâng cao những truyền thống tốt đẹp của ngôn ngữ dân tộc. Với việc sử dụng những đặc trưng về nội dung và hình thức trên, lời nói và bài viết của Hồ Chủ Tịch đã mang đậm bản sắc Việt Nam hơn bất kỳ người Việt Nam nào khác.

Là một nhà cách mạng, nhà yêu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh có những cống hiến quan trọng đối với sự nghiệp giữ gìn, phát triển tiếng nói dân tộc. Có thể nói rằng, những bài nói, bài viết và những ý kiến của Người về ngôn ngữ là nguồn tư liệu không bao giờ cạn cho ngôn ngữ học nước nhà và các ngành khoa học liên quan.